

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Về quản lý đường thủy nội địa

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ - CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 21/2005/NĐ - CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân loại đường thủy nội địa; công bố mở, đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa; phạm vi hành lang bảo vệ luồng và mốc chỉ giới; quy định về dự án xây dựng công trình có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa; hạn

chế giao thông đường thủy nội địa và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động giao thông vận tải trên đường thủy nội địa.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Mục 1

Quy định về loại đường thủy nội địa

Điều 3. Phân loại đường thủy nội địa

Đường thủy nội địa được phân loại thành đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng.

1. Đường thủy nội địa quốc gia là tuyến đường thủy nội địa nối liền các trung tâm kinh tế, văn hoá xã hội, các đầu mối giao thông vận tải quan trọng phục vụ kinh tế, quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc tuyến đường thủy nội địa có hoạt động vận tải thủy qua biên giới.

2. Đường thủy nội địa địa phương là tuyến đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chủ yếu phục vụ cho việc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

3. Đường thủy nội địa chuyên dùng là luồng chạy tàu, thuyền nối liền vùng nước cảng, bến thủy nội địa chuyên dùng với đường thủy nội địa quốc gia hoặc đường thủy nội địa địa phương, phục vụ cho nhu cầu giao thông vận tải của tổ chức, cá nhân đó.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định phân loại đường thủy nội địa và điều chỉnh loại đường thủy nội địa

1. Đường thủy nội địa quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

2. Đường thủy nội địa địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định.

3. Đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua từ hai tỉnh trở lên hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

Đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Việc điều chỉnh loại đường thủy nội địa quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh từ đường thủy nội địa địa phương thành đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương hoặc điều chỉnh ngược lại trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính.

b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh loại đường thủy nội địa đối với các trường hợp khác ngoài trường hợp quy định tại điểm a khoản này trên cơ sở đề nghị của Cục Đường sông Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mục 2

Quy định về công bố mở, đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa

Điều 5. Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa

1. Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa là quyết định của cơ quan có thẩm quyền đưa luồng, tuyến đường thủy nội địa vào quản lý, khai thác.

2. Nội dung công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa:

a) Loại đường thủy nội địa;

b) Chiều dài luồng, tuyến đường thủy nội địa (địa danh, thủy danh và số km theo chiều dài); cấp kỹ thuật của luồng và cấp kỹ thuật chung của tuyến đường thủy nội địa;

c) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác vận tải trên luồng, tuyến đường thủy nội địa.

Điều 6. Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa

1. Tổ chức, cá nhân sau đây có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa:

a) Cục Đường sông Việt Nam lập hồ sơ đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa quốc gia;

b) Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính lập hồ sơ đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa địa phương;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng luồng chuyên dùng lập hồ sơ đề nghị công bố luồng trình Cục Đường sông Việt Nam thẩm định đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng đi qua từ hai tỉnh trở lên, đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa quốc gia với đường thủy nội địa địa phương hoặc trình Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính thẩm định đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương. Sau khi thẩm định hồ sơ, Cục Đường sông Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính trình cơ quan có thẩm quyền công bố.

Trường hợp có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên cùng sử dụng chung luồng chuyên dùng thì chủ cảng, bến nào cho phương tiện có mớn nước lớn nhất vào, ra luồng chuyên dùng chịu trách nhiệm lập hồ sơ trình.

2. Hồ sơ đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa bao gồm:

a) Đối với dự án mở luồng, tuyến đường thủy nội địa mới hoặc dự án cải tạo nâng cấp luồng, tuyến đường thủy nội địa:

- Tờ trình đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa;
- Quyết định phê duyệt dự án;
- Hồ sơ thiết kế của dự án;
- Hồ sơ hoàn công công trình;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng của chủ đầu tư.

b) Đối với luồng, tuyến đường thủy nội địa công bố lại hoặc không có dự án đầu tư:

- Tờ trình đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa;
- Quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Bình đồ khảo sát hiện trạng luồng, tuyến đường thủy nội địa đề nghị công bố;
- Thuyết minh luồng, tuyến đường thủy nội địa;

- Sơ đồ bố trí hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa; tổ chức quản lý đường thủy nội địa trên tuyến.

Điều 7. Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa

1. Trong quá trình khai thác luồng, tuyến đường thủy nội địa, xét thấy luồng, tuyến không đảm bảo an toàn cho hoạt động giao thông vận tải, không còn nhu cầu khai thác vận tải hoặc vì lý do an ninh, quốc phòng thì cơ quan có thẩm quyền quyết định đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa.

2. Tổ chức, cá nhân đã lập hồ sơ đề nghị công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa có trách nhiệm làm văn bản trình cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa, trừ trường hợp vì lý do an ninh, quốc phòng.

3. Nội dung quyết định công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa bao gồm:

- a) Lý do của việc đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa;
- b) Chiều dài luồng, tuyến đường thủy nội địa (địa danh, thủy danh và số km của luồng, tuyến đường thủy nội địa đó);
- c) Thời gian bắt đầu đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa.

Điều 8. Thẩm quyền công bố mở, đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định phân loại đường thủy nội địa quy định tại Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm công bố mở, đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với loại đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền quyết định của mình.

Mục 3

Phạm vi hành lang bảo vệ luồng và mốc chỉ giới

Điều 9. Phạm vi hành lang bảo vệ luồng

1. Phạm vi hành lang bảo vệ luồng thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ.

Trường hợp luồng không sát bờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định, phạm vi hành lang bảo vệ luồng được quy định cụ thể theo cấp kỹ thuật đường thủy nội địa như sau:

- a) Đối với luồng trên hồ, vịnh và cửa sông ra biển: từ trên 20 mét đến 25 mét;